

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 13/4/2021

v/v: *Kiến xin ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Can

Các thẩm phán: bà Trần Thanh Hải; ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa ông: Nguyễn Văn Thành, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: ông Phạm Văn Minh, kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc Kiến Hôn nhân và gia đình. Do Bản án sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình bị kháng cáo. Theo quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 29/3/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1990;

HKTT và nơi cư trú: Nhà số 17, tổ 06, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

HKTT: Khu 1, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

Nơi tạm trú: Số nhà 25, tổ 1, phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trình bày trong quá trình tranh tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ý kiến, quan điểm của nguyên đơn chị Vũ Thị M như sau:

Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Khoảng tháng 3/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lớn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong sinh hoạt, anh T đe dọa ảnh hưởng tới tinh thần chị M. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc kéo dài hôn nhân không có hạnh phúc, vì vậy chị M xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh T không thể sinh con nên đã làm thủ tục nhận cháu Nguyễn Vũ BN, sinh ngày 21/4/2017 làm con nuôi. Khi ly thân, chị M nuôi con và chung sống cùng ông bà ngoại, tháng 7/2020 anh T đến đón con về quê thăm bà nội nhưng giữ luôn con ở lại quê ở Phú Thọ để mẹ đẻ anh T nuôi con. Chị M đã nhiều lần về quê xin đón con, yêu cầu anh T mang

con về nhưng anh T và gia đình cản trở. Khi ly hôn chị M xin nuôi con và chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Ý kiến trình bày của bị đơn: Anh Nguyễn Văn T xác nhận thời điểm, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm ly thân đúng như chị M trình bày. Chị M xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Do không có khả năng sinh nở, kinh tế khó khăn nên anh T và chị M thống nhất xin cháu Nguyễn Vũ BN, sinh ngày 21/4/2017 làm con nuôi. Anh T xác nhận do bận đi làm ăn không chăm sóc được con nên anh đã đưa cháu N về quê xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cho mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T xác nhận việc chị M về quê xin đón con nhưng anh T và gia đình không đồng ý. Khi ly hôn anh T xin nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, đã giải quyết:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị M và anh Tùng có 01 con gái nuôi chung là cháu Nguyễn Vũ BN, sinh ngày 21/4/2017.

Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Vũ BN cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, hai bên cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom con chung; hai bên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T không có tài sản chung.

4. Về công nợ chung: Chị M và anh T không nợ cá nhân, tổ chức nào. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo phần giải quyết về con chung của bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của anh T trong thời hạn luật định việc thụ lý và xét xử phúc thẩm là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T về con chung giữa anh với chị Vũ Thị M, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, anh T, chị M không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy để đảm bảo sự phát triển ổn định và an toàn của cháu Nguyễn Vũ BN, sinh ngày 21/4/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên phần giải quyết về con chung như tại bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị M là “Kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc loại vụ việc được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án, kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần thụ lý, giải quyết ở trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại đơn kháng cáo đề ngày 02/02/2021 anh Nguyễn Văn T chỉ kháng cáo đối với phần giải quyết về nuôi con chung tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, không kháng cáo nội dung giải quyết về quan hệ hôn nhân, tài sản và công nợ. Do đó phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của bị đơn: anh Nguyễn Văn T cho rằng chị M không có nơi cư trú ổn định và về năng lực thu nhập kinh tế của chị M không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên anh T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp tại Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chị M có nơi cư trú ổn định, có công việc và thu nhập hợp pháp ổn định khoảng trên 9.000.000 đồng/tháng, chị là người trực tiếp chăm sóc mẹ cháu trước khi sinh cháu hơn một tuần và trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc mẹ đẻ và cháu sau khi sinh hơn hai tháng (bút lục 46, 47 có trong hồ sơ vụ án). Chị M đảm bảo có đầy đủ các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Đối với anh Nguyễn Văn T Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, anh T đăng ký nhân khẩu tại xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh đã thuê nhà số 25, tổ 1, phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình để tạm trú và mở của hàng sửa chữa cơ khí nhỏ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù

nhận nuôi con chung nhưng anh T lại không trực tiếp nuôi con mà lại giao con cho bà Đỗ Thị Đ trú tại Khu 1, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy là không đảm bảo quy định của Pháp luật là cha mẹ phải là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, được quy định tại các điều 78, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Mặt khác, tòa xét cháu Nguyễn Vũ BN là con gái, mới 4 tuổi còn rất nhỏ, cần sự thương yêu chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cấp sơ thẩm đã phân tích, xem xét và quyết định giao cháu cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo mọi mặt về quyền và lợi ích của cháu.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 78, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 308, khoản 1 điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình về phần nuôi con:

Cụ thể: Giao con chung của chị M và anh T là cháu Nguyễn Vũ BN, sinh ngày 21/4/2017 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Hai bên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004203 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HB;
- TAND TP. Hòa Bình;
- CCTHADS Tp Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Văn Can